

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2026

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUNG YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Nam và bà Đàm Thị Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đức Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Kim Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị Dương Thị Á, sinh năm 1983; Quê quán: Thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên – Có mặt.

****Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên – Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010; cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020; Đều trú tại: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Tuyết M, cháu Cẩm N và cháu Thành H: Chị Dương Thị Á và anh Nguyễn Văn C (là bố, mẹ đẻ của các cháu).

**** Người làm chứng:***

- Ông Dương Công K, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên – Vắng mặt.

- Bà Dương Thị H1, sinh năm 1961; Trú tại: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Dương Thị Á thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 ở thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (cũ) đăng ký kết hôn ngày 06/9/2005. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương thì chị và anh C về ở cùng với bố mẹ chồng là ông Nguyễn Văn N1 và bà Dương Thị H1. Trong thời gian anh, chị sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nhưng đã khắc phục được. Đến khoảng tháng 8/2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do việc kinh doanh quán bi a thua lỗ, anh C đổ lỗi cho chị, thường xuyên mắng chửi chị vô trách nhiệm, nhiều hôm còn đánh chị nhưng vì các con chị đã khắc phục và bỏ qua cho anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi tính nết vì thế mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Đến tháng 11/2025 chị và anh C đã phát sinh mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế cho nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, sau khi chị về nhà bố mẹ đẻ thì chị bị tai nạn lao động, chấn thương nặng phải cấp cứu, anh C có vào viện chăm sóc nhưng liên tục trì hoãn, quát mắng chị bỏ nhà đi theo người đàn ông khác làm chồng con tốn công sức, tiền bạc, khiến chị càng thất vọng. Khi ra viện, chị lại về chung sống với anh C nhưng chỉ được một thời gian ngắn hai anh, chị lại phát sinh mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế cũng như trong sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra mâu thuẫn của vợ chồng là do anh C có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, qua camera phòng ngủ, chị phát hiện anh C dẫn người phụ nữ khác về ngủ cùng, chị có tra hỏi thì anh C thừa nhận và hứa không tái phạm, chị đã tha thứ nhưng anh C không hối lỗi mà còn đánh chửi chị. Vì không thể chấp nhận và chung sống với anh C được nữa cho nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 01/2026 cho đến nay. Sau khi chị về nhà bố mẹ đẻ chị, anh C có sang xin lỗi, mong muốn chị quay về nhưng chị không còn niềm tin nên nhất quyết không về. Đến nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh C, nếu miễn cưỡng về chung sống với nhau thì chỉ làm khổ nhau mà thôi cho nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có bốn con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2006; cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010; cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020. Hiện nay anh C đang nuôi cả ba cháu M, N, H còn cháu Đ đã thành niên và đang đi học đại học nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, còn hai cháu M, N để anh C nuôi cho đến khi các cháu thành niên và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị đang làm công việc tự do, công việc ổn định, thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng cho nên chị có đủ điều kiện để nuôi cháu H ăn học. Sở dĩ chị xin nuôi cháu H là vì cháu còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị Á tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như chị Á trình bày là đúng. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị Á là do tháng 8/2025 hai vợ chồng có mở quán bán nước mía, chèn ép cho nên thường xuyên có khách nam giới đến uống nước dẫn đến việc anh nghi ngờ chị Á có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng anh không có căn cứ chứng minh; anh yêu cầu chị Á không bán hàng nước nữa nhưng chị Á không nghe vì thế hai vợ chồng đã lời qua tiếng lại, cãi nhau. Do anh kiên quyết không cho chị Á bán hàng nước nữa cho nên vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn, cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, anh đã tát chị Á mấy cái cho nên chị Á đã bỏ nhà đi. Đến khoảng tháng 9/2025 chị Á bảo anh ký vào đơn ly hôn nhưng anh không đồng ý; đến tháng 10/2025 chị Á bị tai nạn và điều trị tại bệnh viện, sau đó về nhà và vợ chồng lại tiếp tục chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn trong công việc hàng ngày, anh có chửi chị Á và chị Á chửi lại nên anh đã tát chị Á 01 cái cho nên chị Á đã về nhà bố mẹ đẻ ở và đã làm đơn xin ly hôn anh. Sau khi chị Á về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh có sang nói chuyện với bố mẹ chị Á để vợ chồng về chung sống với nhau, nuôi dạy con cái nhưng chị Á kiên quyết không về. Chị Á cho rằng anh có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh xác định không có việc như vậy; anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Á cho nên anh mong muốn vợ chồng về chung sống với nhau để nuôi dạy con cái. Anh hứa sẽ không chửi bới, đánh đập chị Á nữa, nếu anh vi phạm thì anh sẽ chấp nhận ly hôn. Nếu chị Á kiên quyết xin ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Á có bốn con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2006; cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010; cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020. Hiện nay anh đang nuôi cả ba cháu M, N, H còn cháu Đ đã thành niên. Chị Á có quan điểm nếu ly hôn, chị Á xin nuôi cháu H còn anh nuôi hai cháu M, N. Anh không đồng ý để chị Á nuôi cháu H vì anh cho rằng chị Á không có công việc và thu nhập ổn định. Anh xin được nuôi cả ba cháu M, N, H cho đến khi các cháu thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị Á phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy các cháu ăn học. Về điều kiện kinh tế và chỗ ở: hiện nay anh mở xưởng sản xuất nhựa, sản xuất gỗ ép, thuê 04 công nhân, công việc ổn định, thu nhập khoảng 20.000.000đồng/tháng nhưng anh không có căn cứ chứng minh được thu nhập của anh; hiện nay ba bố con anh đang ở trên ngôi nhà mái bằng 01 tầng, 01 tum trên phần diện tích đất của bố mẹ đẻ anh.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Anh C tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng về quan hệ hôn nhân, con chung giữa chị Á và anh C, như sau:

* Cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010 là con đẻ của anh C và chị Á khai: Trong thời gian bố mẹ cháu chung sống với nhau, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do bố cháu thường xuyên đi uống rượu say về và cãi nhau với mẹ cháu, mẹ cháu có nói thì bố cháu quay sang đánh chửi mẹ cháu. Bố mẹ cháu cũng thường xuyên xảy ra

bất đồng trong chuyện làm ăn kinh tế và xảy ra tranh cãi đến mức xô xát, bố cháu đánh mẹ ngay trước mặt cháu. Đến khoảng đầu tháng 8/2025, mẹ cháu bỏ đi về nhà ông, bà ngoại, chị em cháu vẫn ở lại với bố. Từ khi mẹ cháu bỏ ra ngoài ở thì mẹ cháu vẫn quan tâm, hỏi han chúng cháu. Nay mẹ cháu làm đơn ly hôn bố cháu, cháu rất thương bố mẹ cháu và mong muốn bố và mẹ hàn gắn với nhau để tiếp tục chung sống, nuôi dạy chúng cháu. Nếu bố mẹ cháu bắt buộc phải ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố cháu vì mẹ cháu không có công việc và thu nhập ổn định nên cháu không muốn mẹ cháu vất vả vì nuôi cháu.

* Cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 là con đẻ của anh C và chị Á khai: Trong thời gian bố mẹ cháu chung sống với nhau, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân là gì thì cháu không biết. Đến khoảng tháng 8/2025, mẹ cháu bỏ đi về nhà ông, bà ngoại, chị em cháu vẫn ở lại với bố. Từ khi mẹ cháu về nhà ông, bà ngoại ở thì mẹ cháu vẫn luôn hỏi han, quan tâm cháu và chỉ bảo cháu sang chơi, thăm mẹ ở nhà ông, bà ngoại chứ không về nhà vì muốn tránh mặt bố cháu. Nay mẹ cháu làm đơn ly hôn bố cháu, cháu rất buồn và thương bố mẹ cháu và mong muốn bố và mẹ hàn gắn với nhau để tiếp tục chung sống, nuôi dạy chúng cháu, để chị em chúng cháu không phải xa cách nhau. Nếu bố mẹ cháu bắt buộc phải ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố cháu vì mẹ cháu không có công việc ổn định nên cháu không muốn mẹ cháu vất vả vì nuôi cháu.

Những người làm chứng trình bày:

* Ông Dương Công K là bố đẻ của chị Á cho biết: Chị Á và anh C chung sống hoà hợp đến khoảng đầu năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn về kinh tế và sinh hoạt gia đình. Thời điểm đó anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bị chị Á bắt quả tang, hai vợ chồng cãi nhau căng thẳng nên ông phải sang giảng hoà. Được một thời gian anh C vẫn chứng nào tật ấy, nhưng chị Á vì giữ thể diện cho chồng và thương các con nên vẫn bỏ qua. Đến khoảng tháng 8/2025, mâu thuẫn trở nên trầm trọng do anh C thường xuyên ghen tuông vô cớ, cho rằng chị Á có quan hệ bất chính với người khác nhưng không có căn cứ. Hai vợ chồng cãi nhau, đánh chửi nhau nên chị Á bỏ về nhà ông. Từ khi chị Á về nhà ông ở, anh C đã gọi điện dùng lời lẽ xúc phạm vợ chồng ông và chị Á, khiến ông rất buồn và thất vọng. Trong quá trình chung sống, đã nhiều lần chị Á bỏ về nhà ông vì vợ chồng đánh cãi nhau do mâu thuẫn làm ăn và do anh C ghen tuông vô cớ. Mỗi lần như vậy ông đều khuyên chị Á vì con cái mà bỏ qua để quay về, nhưng anh C ngày càng quá đáng. Nay chị Á làm đơn ly hôn anh C, ông đề nghị Toà án giải quyết cho chị Á và anh C ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị Á và anh C có bốn con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2006; cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010; cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020. Hiện nay anh C đang nuôi cả ba cháu M, N, H còn cháu Đ đã thành niên. Nếu chị Á kiên quyết ly hôn anh C thì ông đề nghị Toà án giải quyết về con chung của anh C và chị Á theo quy định của pháp luật.

* Bà Dương Thị H1 là mẹ đẻ của anh C cho biết: Trong thời gian chung sống, anh C và chị Á phát sinh mâu thuẫn về làm ăn kinh tế và sinh hoạt gia đình nên thường xảy ra cãi vã. Đến tháng 8/2025, mâu thuẫn trở nên trầm trọng nguyên nhân do hai anh chị mở quán bán nước mía, chè đá, thường có khách nam giới

đến uống nước nên anh C nghi ngờ chị Á có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không có căn cứ chứng minh. Anh C yêu cầu chị Á nghỉ bán nước, chị Á không nghe nên hai bên cãi nhau, anh C tát chị Á mấy cái nên chị Á bỏ nhà đi về nhà bố mẹ đẻ của chị Á ở. Tháng 10/2025 chị Á bị tai nạn lao động, sau khi được điều trị tại bệnh viện thì chị Á về nhà chung sống với anh C được một thời gian ngắn thì lại mâu thuẫn trong công việc hằng ngày, hai vợ chồng tranh cãi căng thẳng, anh C tát chị Á 01 cái nên chị Á về nhà bố mẹ đẻ ở và làm đơn xin ly hôn. Gia đình đã động viên, khuyên bảo hai anh chị quay về chung sống để nuôi dạy con cái nhưng chị Á kiên quyết không về. Bà mong muốn hai anh chị khắc phục mâu thuẫn, về chung sống nuôi dạy con cái, nếu chị Á kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh C và chị Á có bốn con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2006; cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010; cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020. Hiện nay anh C đang nuôi cả ba cháu M, N, H còn cháu Đ đã thành niên. Nếu chị Á kiên quyết xin ly hôn anh C thì bà đề nghị Tòa án giải quyết về con chung của anh C và chị Á theo quy định của pháp luật.

Toà án đã xác minh về quan hệ hôn nhân, con chung giữa anh C và chị Á tại UBND xã nơi anh C và chị Á đăng ký kết hôn, như sau: Chị Á và anh C là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã L, tỉnh Hưng Yên) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 06/9/2005. Trong thời gian chung sống, có xảy ra mâu thuẫn hay không và mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được cụ thể do thuộc phạm vi riêng tư của gia đình. Trong quá trình chung sống anh C và chị Á có 04 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 06/6/2006; cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010; cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, đất ruộng nông nghiệp địa phương cũng không nắm được. Chị Á làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C, UBND xã L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị Á được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010 và cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên; giao cháu Nguyễn Thành

H, sinh ngày 30/6/2020 cho chị Dương Thị Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Dương Thị Á phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Dương Thị Á yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn C, hiện đang cư trú tại: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên ly hôn và giải quyết về việc nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Á và anh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (cũ) ngày 06/9/2005 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị Á xin ly hôn anh C sẽ được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng của chị Á và anh C: Quá trình giải quyết vụ án cả chị Á và anh C đều xác nhận trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị Á cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn kinh tế, anh C thường xuyên ghen tuông vô cớ, mắng chửi, đánh đập chị và đưa người phụ nữ khác về nhà ngủ. Còn anh C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị Á có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không có căn cứ chứng minh và do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc hàng ngày; anh C cũng thừa nhận đã nhiều lần sử dụng vũ lực với chị Á dẫn đến việc chị Á bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Các đương sự đều thống nhất xác định từ khi chị Á về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên đã sống ly thân, kinh tế hoàn toàn độc lập. Điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Dương Công K là bố đẻ chị Á, bà Dương Thị H1 là mẹ đẻ anh C và lời khai của cháu Tuyết M, cháu Cẩm N. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng chị Á kiên quyết không về chung sống với anh C. Đến nay, chị Á xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn; anh C mong muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, thực tế vợ chồng đã ly thân, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được. Xét thấy, đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn của chị Á và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì cần giải quyết cho chị Á và anh C ly hôn để các bên sớm có điều kiện ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Chị Á và anh C có 04 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2006; cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010; cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020. Cháu Nguyễn Minh Đ đã thành niên, chị Á và anh C tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với ba cháu M, N, H hiện nay đang ở với anh C; chị Á đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

cháu H, còn hai cháu M, N để anh C nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Quan điểm của anh C không nhất trí giao cháu H cho chị Á nuôi dưỡng, chăm sóc và đề nghị được nuôi cả ba cháu và tự nguyện không yêu cầu chị Á phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy, đối với cháu Nguyễn Thị Tuyết M và cháu Nguyễn Cẩm N, các cháu có nguyện vọng được ở với anh C nếu anh C và chị Á ly hôn; chị Á cũng đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Do đó cần giao hai cháu M, N cho anh C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên là đảm bảo điều kiện tốt nhất phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Đối với cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020, hiện cháu còn nhỏ tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Hiện nay chị Á đang làm công việc tự do, công việc ổn định, thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng, đang ở cùng bố mẹ đẻ, có chỗ ở ổn định và được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu nên chị Á có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H nên giao cháu Nguyễn Thành H cho chị Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Chị Á và anh C đều tự nguyện không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị Á và anh C đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5]. Về án phí: Chị Dương Thị Á phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị Á được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Chị Dương Thị Á và anh Nguyễn Văn C có 04 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2006; cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 06/3/2010; cháu Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 30/6/2020. Cháu Nguyễn Minh Đ đã thành niên, chị Á và anh C tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết M và cháu Nguyễn Cẩm N cho anh Nguyễn Văn C được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thành H cho chị Dương Thị Á được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Á phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng án phí chị Á đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003015 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị Á đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- UBND xã Lạc Đạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Quyền